TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13- 4 - 2022
"Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hương;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa*:** Bà Bùi Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 215/2021/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2021, về việc " *Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lai Thị Bích Th, sinh năm 1965 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 229 Khóm H, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:* Ông Thạch X, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 229 Khóm H, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2021 và tại đơn xin giải quyết vắng mặt nguyên đơn bà Lai Thị Bích Th trình bày:

Vào năm 1995, bà Th và ông Thạch Xu tự nguyện sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, bà Th và ông X chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Thạch Thị Mỹ H (nữ) sinh ngày 17/11/1996 và Thạch Vũ Kh (nam) sinh ngày 25/11/2000. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng không còn hạnh phúc nữa.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, bà Lai Thị Bích Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lai Thị Bích Th yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Th và ông Thạch X không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do bà Th giao nộp là bản sao Giấy chứng minh nhân dân; bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh của hai con chung.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết ông Thạch X trình bày: Ông Thạch X và bà Lai Thị Bích Th tổ chức lễ cưới vào năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, bà Th và ông X chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Thạch Thị Mỹ H (nữ) sinh ngày 17/11/1996 và Thạch Vũ Kh (nam) sinh ngày 25/11/2000. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng không còn hạnh phúc nữa.

- Nay, bà Th yêu cầu Tòa án công bố mối quan hệ sống chung giữa bà Th với ông X không phải vợ chồng, ông X cũng thống nhất.

- Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản lấy lời khai của ông Thạch X.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Lai Thị Bích Th và ông Thạch X không phải là quan hệ vợ chồng. Không giải quyết về con chung do đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lai Thị Bích Th khởi kiện, yêu cầu tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Th với ông Thạch X không phải là quan hệ vợ chồng. Yêu cầu của bà Th được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 53 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Thạch X đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại

đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, lời trình bày của cả hai bên đương sự, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định bà Th và ông X chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung giữa bà Th và ông X có hai con chung là sự thật. Tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Như vậy, hôn nhân giữa bà Th và ông X không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Th và ông X là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Lai Thị Bích Th và ông Thạch X không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Lai Thị Bích Th và ông Thạch X có 02 (hai) con chung là Thạch Thị Mỹ H (nữ) sinh ngày 17/11/1996 và Thạch Vũ Kh (nam) sinh ngày 25/11/2000, đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lai Thị Bích Th phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002262 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU